

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07/5/2021
V/v tranh chấp: Xin ly hôn, nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Hùng Tự
2. Ông Đặng Thế Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Lan A, sinh năm 1981. Nơi ở hiện nay: Tập thể trường THPT L, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Bị đơn: Ông Quách Thành C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà 96, tổ 8 phường M, Thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai và Biên bản hoà giải nguyên đơn bà Đinh Thị Lan A trình bày: Bà và ông Quách Thành C đăng ký kết hôn ngày 08/3/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Thời gian vợ chồng chung sống đến nay đã 13 năm nhưng thời gian hạnh phúc chỉ được khoảng 1 năm đầu sau khi kết hôn. Mâu thuẫn phát sinh kể từ khi vợ chồng ông

bà có con chung và bắt đầu thấy được sự khác biệt trong cách sống của mỗi người. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do lối sống, cách nghĩ và cách cư xử của hai vợ chồng không hợp nhau, ông C không quan tâm suy nghĩ cho người khác, thiếu tôn trọng vợ và người thân trong gia đình, sống ích kỷ và áp đặt đối với người khác. Giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con cái, ông C luôn kỳ vọng và áp đặt thành tích học tập của con phải ở mức cao nhất nên đã gây áp lực lớn đến tâm lý của con. Đối với vợ thường thiếu sự yêu thương, chăm sóc, quan tâm, chia sẻ với vợ cả về vật chất và tinh thần. Luôn coi thường và xúc phạm vợ khi có xung đột xảy ra, đôi lúc còn xúc phạm đến danh dự và thân thể nên bà không thể chấp nhận được nữa, nhiều lần bà đã muốn làm đơn xin ly hôn nhưng vì nghĩ thương con, thương bố mẹ hai bên nên đã cố gắng nhẫn nhịn và cam chịu, nhưng đến nay bà nghĩ vì sự phát triển về cả thể chất và tâm hồn của con và muốn giải phóng cho mình khỏi những áp lực khi phải chung sống với nhau mà không thể hoà hợp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Quách Minh Đ, sinh ngày 16/10/2008. Sau khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Đề nghị ông C cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công nợ: Ông bà không có công nợ chung.

* Tại bản tự khai ngày 11/01/2021 và Biên bản hoà giải ngày 12/4/2021 bị đơn ông Quách Thành C trình bày: Ông và bà Đinh Thị Lan A có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Trong quá trình chung sống 13 năm thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh một vài mâu thuẫn kể từ khi ông bà có con chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống gia đình ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm trong vấn đề nuôi dạy con cái. Thêm nữa là kinh tế trong nhà đều do một mình ông lo toan, từ chi phí ăn uống đến việc học tập của con, các công việc lớn nhỏ trong gia đình nên đã gây cho ông nhiều áp lực, có đôi lúc vợ ông đưa con đi chơi ông gọi điện thoại vợ ông không nghe máy nên ông rất bức tức, khi ông nói con thì vợ lại bênh con trước mặt khiến việc dạy con rất khó. Ngoài ra trong gia đình vợ chồng ông có sự phân chia công việc cho nhau nhưng khi giao cho vợ ông việc gì thì đều không hoàn thành hay là làm việc không chu đáo và thận trọng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng thường xảy ra khi một mình ông đã phải lo hết về mặt kinh tế, vợ ông không biết chăm lo cho con, cho chồng để ông được yên tâm công tác. Hiện tại vợ chồng ông bà đang ở cùng với bố đẻ ông C, năm nay đã hơn 80 tuổi, ông không muốn để bố mình phải suy nghĩ, lo lắng về chuyện vợ chồng của ông nên ông chưa nhất trí ly hôn vào thời gian này.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên là Quách Minh Đ, sinh ngày 16/10/2008. Nếu ly hôn ông mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ vì ông cho rằng ông có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu tốt hơn. Ông không đề nghị bà Lan A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, tài sản riêng ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Về công nợ: Ông bà không có công nợ chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị Lan A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Quách Thành C. Bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể cải thiện được, tình cảm không còn nên vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian không còn quan tâm, chăm sóc, tôn trọng nhau nữa, nếu có cố duy trì hôn nhân thì cuộc sống chung cũng không thể có hạnh phúc. Về con chung: Bà đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quách Minh Đ vì cháu Đ hiện nay đang ở độ tuổi phát triển tâm sinh lý, nếu cháu ở cùng mẹ thì sẽ thuận lợi hơn trong việc giáo dục cháu; Đề nghị ông C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, thu nhập của ông C khá cao mà chi phí học tập của cháu Đ cũng rất tốn kém nên đề nghị ông C hỗ trợ nuôi con với mức là 1.500.000đ/tháng. Về tài sản, công nợ chung hai vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

- Bị đơn: Ông Quách Thành C vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày và HĐXX cũng không tiến hành hoà giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83; Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Lan A về việc ly hôn ông Quách Thành C.** Về con chung: Giao cho bà Đinh Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quách Minh Đ. Ông Quách Thành C cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Bà Đinh Thị Lan A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông Quách Thành C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đinh Thị Lan A có đơn khởi kiện “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” với bị đơn là ông Quách Thành C, ông C có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 8 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Do đó

Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị Lan A và ông Quách Thành C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Ông bà đã có một thời gian chung sống hạnh phúc. Kể từ khi có con chung thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do hai vợ chồng không thống nhất quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dạy con cái và giữa hai vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau trong công việc, trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2021 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông bà tại tổ khu phố nơi ông bà cư trú, cũng như tại cơ quan nơi công tác của ông C và bà Lan A thấy rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng ông bà đã xảy ra nhiều vấn đề mâu thuẫn, đôi khi xảy ra xô xát cãi nhau và ông C đã đánh vợ, có sự xúc phạm lẫn nhau, gây tổn thương cho nhau và ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như tinh thần của nhau, làm ảnh hưởng đến tâm, sinh lý và sự phát triển bình thường của con. Mặc dù hai ông bà cũng đã được cơ quan, công đoàn hai bên gặp gỡ động viên, phân tích nhưng không có sự cải thiện, cơ quan của bà Lan A cũng xác nhận bà đã ra ở tập thể nhà trường từ thời gian trước tết nguyên đán cho đến nay (BL 39-42). Xét thấy, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc giải quyết cho bà Lan A và ông C ly hôn là giải pháp để giải thoát cho cả hai tránh xảy ra mâu thuẫn, xô xát không đáng có. Vì vậy, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị Lan A là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông C có ý kiến về việc chưa muốn ly hôn trong thời gian này vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của bố ông nay đã hơn 80 tuổi, nhưng ông không có giải pháp nào để cải thiện được tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa ông cũng cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không có cơ sở để xem xét đề nghị của ông C.

[3] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là cháu Quách Minh Đ, sinh ngày 16/10/2008. Căn cứ vào kết quả xác minh mức thu nhập của bà Lan A và ông C (BL 40-41) cùng với Bảng thanh toán tiền lương 03 tháng gần nhất của ông C và bà Lan A, căn cứ biên bản ghi ý kiến nguyện vọng con chung ngày 18/01/2021 (BL 27) và Biên bản về việc tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, về trẻ em (BL 43-44). Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện kinh tế cả ông C và bà Lan A đều là viên chức nhà nước có mức thu nhập khá vì vậy đều có điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng con tốt, tuy nhiên ông C là giáo viên giảng dạy ở trường THPT Chuyên của tỉnh vì vậy thời gian dành cho công việc giảng dạy trên lớp và tập trung luyện thi cho các đội tuyển phải dành nhiều thời gian cho công việc nhiều hơn so với bà Lan A, mặt khác theo ý kiến của cháu Đ là khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, từ tháng 01/2021 đến nay cháu Đ cũng đã đi theo bà Lan A ra ở tập thể cơ quan cùng với mẹ, nhà trường nơi bà

Lan A công tác cũng có ý kiến về việc đảm bảo điều kiện ăn, ở tốt nhất cho hai mẹ con. Do đó HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đ cho mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu là phù hợp, đảm bảo được điều kiện chăm sóc cháu tốt nhất về mọi mặt.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện bà Lan A có yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng, tuy nhiên tại phiên toà hôm nay bà đề nghị HĐXX xem xét giải quyết với mức cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu Đ nên việc yêu cầu cấp dưỡng của bà Lan A là hoàn toàn phù hợp, ông C không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông C có thu nhập ổn định từ lương, thu nhập bình quân một tháng khoảng 13.000.000đ (BL 36-38), căn cứ vào mức thu nhập của ông C và nhu cầu thiết yếu của cháu Đ HĐXX chấp nhận đề nghị của bà Lan A với mức cấp dưỡng cho cháu Đ là 1.500.000đ/tháng theo quy định tại Điều 82, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đinh Thị Lan A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, ông Quách Thành C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Lan A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đinh Thị Lan A được ly hôn ông Quách Thành C.

2. Về con chung: Giao cháu Quách Minh Đ, sinh ngày 16/10/2008 cho bà Đinh Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; ông Quách Thành C phải cấp dưỡng nuôi con chung, số tiền 1.500.000đ (Một triệu

năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không bị ai cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị Lan A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ly hôn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002395, ngày 15 tháng 12 năm 2020.

- Ông Quách Thành C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị Lan A **có mặt tại phiên toà** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Quách Thành C **vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- CCTHADS TP;
- UBND thị trấn V, huyện B;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mỹ Lệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mỹ Lệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mỹ Lệ